

Số: **6698** /TCS-HĐQT

Cẩm Phả, ngày 12 tháng 8 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA UBCKNN VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV
2. Mã chứng khoán: CST
3. Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
4. Điện thoại: 020.33862337, Fax: 020.33863945
5. Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Phú Mỹ
Địa chỉ: Số nhà 42, tổ 1, khu 6B, phường Cẩm Trung, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 0913025256
Fax: 020.33863945
6. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV bao gồm: BCĐKT, KQSXKD, BCLCTT, TMBCTC.
7. Toàn bộ báo cáo tài chính được đăng tải vào ngày 12/8/2022 tại đường dẫn www.thancaoson.vn chọn mục quan hệ cổ đông, báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các UVHĐQT, BKS, KT;
- Lưu VT, VPHĐQT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Phạm Phú Mỹ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022
và kết thúc vào ngày 30/06/2022



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 52

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 05/8/2020 dựa trên cơ sở hợp nhất 02 doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin theo Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017-2020.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 1 số 5702053837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 06/10/2021, theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 428.467.730.000 đồng được chia thành 42.846.773 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	27.909.807	65,14%
2	Các đối tượng khác	14.936.966	34,86%
Tổng cộng		42.846.773	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

Họ và tên:

Chức vụ:

- Ông Vũ Văn Khấn Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Quốc Việt Ủy viên
- Ông Vũ Trọng Tuấn Ủy viên
- Ông Trần Tuấn Anh Ủy viên (i) Đến ngày 27/04/2022
- Ông Trần Phương Nam Ủy viên
- Ông Mai Huy Giáp Ủy viên (i) Từ ngày 27/04/2022

(i) Theo Nghị quyết số 01/NQ-TCS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV ngày 27/04/2022:

- Ông Trần Tuấn Anh được miễn nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 27/04/2022;
- Ông Mai Huy Giáp được bổ nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 27/04/2022.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Ban Giám đốc

Họ và tên:

Chức vụ:

- Ông Phạm Quốc Việt Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Sinh Phó Giám đốc
- Ông Mai Huy Giáp Phó Giám đốc
- Ông Vũ Văn Huy Phó Giám đốc (ii) Đến ngày 10/05/2022
- Ông Đỗ Văn Kiên Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Dũng Phó Giám đốc (iii) Từ ngày 06/04/2022

(ii) Ông Vũ Văn Huy được miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc theo Quyết định số 3567/QĐ-TCS-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 10/05/2022

(iii) Ông Nguyễn Ngọc Dũng được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc theo Quyết định số 2568/QĐ-TCS-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 06/04/2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên:

Chức vụ:

- Bà Nguyễn Thị Lịch Trưởng ban
- Bà Lê Thị Kim Dung Thành viên
- Bà Dương Thị Thu Phong Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Bích Hải Thành viên (iv) Đến ngày 27/04/2022
- Ông Nguyễn Huy Hoàng Thành viên
- Bà Đào Thị My Thành viên (iv) Từ ngày 27/04/2022

(iv) Theo Nghị quyết số 01/NQ-TCS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV ngày 27/04/2022:

- Bà Nguyễn Thị Bích Hải được miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ ngày 27/04/2022;
- Bà Đào Thị My được bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ ngày 27/04/2022.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính giữa niên độ vào ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được lựa chọn là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Việt

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV được lập ngày 10/08/2022, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 được trình bày từ trang 8 đến trang 52 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV tại ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Như Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0449-2018-242-1

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.947.766.690.322	1.611.345.862.297
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		886.832.655	826.166.496
Tiền	111	5.1	886.832.655	826.166.496
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.525.833.511.937	890.520.312.942
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	1.523.477.269.101	880.058.569.266
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		354.891.011	9.198.948.879
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.001.351.825	1.262.794.797
Hàng tồn kho	140	5.4	264.433.453.239	523.199.918.617
Hàng tồn kho	141		264.433.453.239	523.199.918.617
Tài sản ngắn hạn khác	150		156.612.892.491	196.799.464.242
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	108.451.864.474	108.947.905.327
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.11	48.161.028.017	87.851.558.915
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.473.878.165.041	1.465.205.373.749
Các khoản phải thu dài hạn	210		151.259.799.677	140.993.630.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.3	151.259.799.677	140.993.630.000
Tài sản cố định	220		1.068.015.835.827	990.897.300.414
TSCĐ hữu hình	221	5.6	1.046.472.523.596	954.033.329.305
- Nguyên giá	222		5.457.804.125.956	5.362.979.274.490
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.411.331.602.360)	(4.408.945.945.185)
TSCĐ vô hình	227	5.7	21.543.312.231	36.863.971.109
- Nguyên giá	228		119.776.115.295	115.470.045.395
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(98.232.803.064)	(78.606.074.286)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.343.476.678	33.737.937.103
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.5	10.343.476.678	33.737.937.103
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		244.259.052.859	299.576.506.232
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	244.259.052.859	299.576.506.232
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.421.644.855.363	3.076.551.236.046

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV
Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.712.669.324.845	2.332.047.547.026
Nợ ngắn hạn	310		2.638.858.381.100	2.075.410.459.498
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	829.444.523.151	864.486.294.526
Người mua trả tiền trước	312		723.495.625	-
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	131.820.265.192	177.791.391.788
Phải trả người lao động	314		92.008.554.188	148.386.384.301
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	330.395.215.131	23.583.425
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	7.929.885.684	6.524.897.964
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	7.776.000.000	845.064.703.861
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.158.258.113.094	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		80.502.329.035	33.133.203.633
Nợ dài hạn	330		73.810.943.745	256.637.087.528
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	73.274.000.000	255.561.507.655
Dự phòng phải trả dài hạn	342		536.943.745	1.075.579.873
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		708.975.530.518	744.503.689.020
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	708.975.530.518	744.503.689.020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		428.467.730.000	428.467.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		428.467.730.000	428.467.730.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		155.675.797.287	123.536.299.402
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124.832.003.231	192.499.659.618
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		29.931.944.733	85.368.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		94.900.058.498	107.131.659.618
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.421.644.855.363	3.076.551.236.046

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC








Phạm Quốc Việt

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV
Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	6.068.893.270.095	3.609.949.294.477
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		6.068.893.270.095	3.609.949.294.477
Giá vốn hàng bán	11	6.2	5.855.178.662.096	3.391.744.306.312
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		213.714.607.999	218.204.988.165
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.260.707.061	2.051.148.222
Chi phí tài chính	22	6.4	16.748.620.676	47.518.385.145
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.748.620.676	43.791.261.857
Chi phí bán hàng	25	6.7	3.896.666.844	2.832.377.027
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	85.589.976.130	88.169.372.010
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		109.740.051.410	81.736.002.205
Thu nhập khác	31	6.5	9.101.988.901	2.894.838.010
Chi phí khác	32	6.6	92.571.751	6.775.538.622
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9.009.417.150	(3.880.700.612)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		118.749.468.560	77.855.301.593
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	23.849.410.062	16.856.716.160
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		94.900.058.498	60.998.585.433
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	2.215	1.424

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






Vũ Thị Thanh

Đinh Văn Chiến

Phạm Quốc Việt

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		118.749.468.560	77.855.301.593
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		153.098.611.464	160.481.321.291
Các khoản dự phòng	03		1.158.258.113.094	(5.033.589.232)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.539.426.137)	(916.604.447)
Chi phí lãi vay	06		16.748.620.676	43.791.261.857
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.436.315.387.657	276.177.691.062
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(622.521.078.413)	1.015.200.144.508
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		258.766.465.378	(887.285.149.967)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		40.911.350.506	(176.600.634.125)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		55.813.494.226	74.030.728.040
Tiền lãi vay đã trả	14		(16.772.204.101)	(43.756.424.123)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(15.907.144.022)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		427.220.000	150.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(18.951.280.886)	(15.217.273.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.133.989.354.367	226.791.938.373
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(102.406.451.636)	(141.180.934.805)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.107.549.876	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.092.818	29.083.247
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(94.235.808.942)	(141.151.851.558)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	314.503.032.450	1.546.719.596.903
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.1	(1.334.079.243.966)	(1.625.181.454.216)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.116.667.750)	(6.671.907.755)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.039.692.879.266)	(85.133.765.068)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		60.666.159	506.321.747
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		826.166.496	626.182.834
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		886.832.655	1.132.504.581

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đinh Văn Chiến

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Việt

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 05/8/2020 dựa trên cơ sở hợp nhất 02 doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin theo Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017-2020.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 1 số 5702053837 ngày 06/10/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Sửa chữa thiết bị điện tử, quang học;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Đến ngày 30/06/2022, tổng số cán bộ công nhân viên Công ty là 3.473 người, trong đó số nhân viên quản lý là 238 người.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 2941/TKV - KTTTC ngày 01/07/2022 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 23.135 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.415 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.415 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, CCDC, hàng hóa	Nhập trước xuất trước
- Nhiên liệu	Bình quân gia quyền
- Thành phẩm tồn kho và chi phí SXKD dở dang than	Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 35 năm
- Máy móc thiết bị 05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng 04 - 06 năm

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính 05 năm
- Quyền sử dụng đất 04 năm

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định, phí sử dụng tài liệu địa chất khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị của các công cụ dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng. Chi phí phải trả của Công ty gồm chi phí lãi vay trích trước và các chi phí phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

4.12 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí (chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, các chi phí trích lập do hụt chỉ tiêu công nghệ,...).

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi thực hiện hoán đổi cổ phiếu từ 02 công ty bị hợp nhất. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 1 số 5702053837 ngày 06/10/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 428.467.730.000 đồng được chia thành 42.846.773 cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông

4.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.15 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Sản phẩm hàng hóa dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng mức thuế suất 10%. Từ 01/02/2022 đến 31/12/2022 sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do công ty cung cấp chịu mức thuế suất theo Nghị định 15/2020/NĐ-CP ngày 28/01/2022.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong kỳ của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản kỳ quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	82.237.605	154.049.879
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	804.595.050	672.116.617
Cộng	886.832.655	826.166.496
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2022 bao gồm:		<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		82.237.605
Cộng		82.237.605
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2022 bao gồm:		<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		804.595.050
<i>NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Quảng Ninh</i>		20.235.427
<i>NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cẩm Phả</i>		59.958.601
<i>NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả</i>		21.205.567
<i>NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Quảng Ninh</i>		656.946.972
<i>NH TMCP Quân Đội - CN Quảng Ninh</i>		24.807.700
<i>NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh</i>		7.015.327
<i>NH TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Cẩm Phả</i>		4.581.113
<i>NH TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Quảng Ninh</i>		9.844.343
Cộng		804.595.050

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.2. Phải thu khách hàng

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.523.477.269.101	880.058.569.266
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	438.242.586.030	320.557.213.628
Công ty Tuyển than Cửa Ông – TKV	999.586.269.131	546.847.926.797
Công ty cổ phần kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	50.429.468.811	-
Công ty Chế biến than Quảng Ninh - TKV	17.527.059.998	11.486.559.975
Công ty cổ phần Tân Phú Xuân	15.525.404.093	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.166.481.038	1.166.868.866
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	1.523.477.269.101	880.058.569.266
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 04		

5.3. Phải thu khác

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.001.351.825	-	1.262.794.797	-
Thuế TNCN phải thu người lao động	33.815.257	-	234.136.476	-
Công trình làng công nhân Cao Sơn	228.818.590	-	228.818.590	-
Vé ăn công nghiệp	11.908.000	-	14.898.000	-
Phải thu khác	1.726.809.978	-	784.941.731	-
b. Dài hạn	151.259.799.677	-	140.993.630.000	-
Ký quỹ bảo vệ môi trường	127.758.656.962	-	119.690.101.528	-
Lãi ký quỹ BVMT	23.501.142.715	-	21.303.528.472	-
Cộng	153.261.151.502	-	142.256.424.797	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.4. Hàng tồn kho

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	40.722.305.760	-	39.205.965.972	-
Công cụ, dụng cụ	448.634.000	-	94.310.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	167.463.025.645	-	454.727.150.708	-
Thành phẩm	55.799.487.834	-	29.172.491.937	-
Cộng	264.433.453.239	-	523.199.918.617	-

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	10.358.913.018	33.737.937.103
<i>Dự án cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn</i>	-	4.306.069.900
<i>Dự án cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn</i>	9.461.964.895	9.461.964.895
<i>Dự án di chuyển hệ thống sàng 3</i>	248.358.123	19.321.912.308
<i>Dự án khác</i>	648.590.000	647.990.000
- Sửa chữa lớn TSCĐ	(15.436.340)	-
Cộng	10.343.476.678	33.737.937.103

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	992.271.143.758	1.791.810.872.674	2.539.283.797.193	39.613.460.865	5.362.979.274.490
- Mua trong kỳ	-	17.557.891.275	187.442.144.272	-	205.000.035.547
- Đầu tư XDCB hoàn thành	29.237.850	22.158.980.920	-	-	22.188.218.770
- Táng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(50.025.739.077)	(82.337.663.774)	-	(132.363.402.851)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	992.300.381.608	1.781.502.005.792	2.644.388.277.691	39.613.460.865	5.457.804.125.956
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	623.210.388.256	1.457.241.735.706	2.292.068.157.562	36.425.663.661	4.408.945.945.185
- Khấu hao trong kỳ	46.442.272.999	48.754.670.407	37.729.172.668	545.766.612	133.471.882.686
- Hao mòn trong kỳ	1.106.180.916	-	85.699.506	85.296.918	1.277.177.340
- Táng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(50.025.739.077)	(82.337.663.774)	-	(132.363.402.851)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	670.758.842.171	1.455.970.667.036	2.247.545.365.962	37.056.727.191	4.411.331.602.360
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	369.060.755.502	334.569.136.968	247.215.639.631	3.187.797.204	954.033.329.305
Tại ngày cuối kỳ	321.541.539.437	325.531.338.756	396.842.911.729	2.556.733.674	1.046.472.523.596
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay					653.559.336.170
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					2.698.110.838.399
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý					207.427.971.779

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	113.104.535.700	2.365.509.695	115.470.045.395
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Tặng khác	4.306.069.900	-	4.306.069.900
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	117.410.605.600	2.365.509.695	119.776.115.295
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu kỳ	76.485.718.151	2.120.356.135	78.606.074.286
- Khấu hao trong kỳ	19.596.043.722	30.685.056	19.626.728.778
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	96.081.761.873	2.151.041.191	98.232.803.064
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	36.618.817.549	245.153.560	36.863.971.109
Tại ngày cuối kỳ	21.328.843.727	214.468.504	21.543.312.231
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			2.058.991.704

5.8. Chi phí trả trước

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a. Ngắn hạn	108.451.864.474	108.947.905.327
Công cụ, dụng cụ	184.612.107	-
Vật tư, phụ tùng có giá trị lớn	98.479.211.819	102.418.809.668
Chi phí sửa chữa tài sản	4.162.674.605	4.609.781.470
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.625.365.943	1.919.314.189
b. Dài hạn	244.259.052.859	299.576.506.232
Chi phí sửa chữa lớn phân bổ	77.623.872.681	141.630.727.542
Chi phí sửa chữa tài sản	33.028.588.674	23.446.381.701
Công cụ, dụng cụ	3.970.647.269	5.537.431.649
Vật tư, phụ tùng có giá trị lớn	81.610.741.539	74.983.732.450
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	30.419.360.342	38.525.253.740
Phí sử dụng số liệu thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản	3.625.849.322	6.841.146.200
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.979.993.032	8.611.832.950
Cộng	352.710.917.333	408.524.411.559

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.9. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2022 (VND)		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	678.989.674.361	678.989.674.361	246.403.032.450	925.392.706.811	-	-
NH TMCP Công thương - CN Cẩm Phả (1)	381.527.832.483	381.527.832.483	146.403.032.450	527.930.864.933	-	-
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	206.725.361.440	206.725.361.440	-	206.725.361.440	-	-
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - CN Quảng Ninh (2)	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	90.736.480.438	90.736.480.438	-	90.736.480.438	-	-
b. Vay dài hạn	421.636.537.155	421.636.537.155	68.100.000.000	408.686.537.155	81.050.000.000	81.050.000.000
Từ 1 đến dưới 5 năm	237.286.794.200	237.286.794.200	-	237.286.794.200	-	-
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Quảng Ninh	202.240.794.200	202.240.794.200	-	202.240.794.200	-	-
NH TMCP Quốc tế Việt Nam	35.046.000.000	35.046.000.000	-	35.046.000.000	-	-
Từ trên 5 năm đến 10 năm	184.349.742.955	184.349.742.955	68.100.000.000	171.399.742.955	81.050.000.000	81.050.000.000
NH TMCP Công thương - CN Cẩm Phả (1)	40.985.000.000	40.985.000.000	-	33.565.000.000	7.420.000.000	7.420.000.000
NH TMCP Ngoại thương VN - CN Quảng Ninh (3)	47.320.000.000	47.320.000.000	68.100.000.000	41.790.000.000	73.630.000.000	73.630.000.000
NH TMCP Á Châu - CN Đông Đô	11.794.691.500	11.794.691.500	-	11.794.691.500	-	-
NH TMCP xăng dầu Petrolimex - CN Quảng Ninh	62.930.051.455	62.930.051.455	-	62.930.051.455	-	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

	01/01/2022 (VND)			30/06/2022 (VND)		
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Quân đội VN - CN Quảng Ninh	21.320.000.000	21.320.000.000	-	21.320.000.000	-	-
Cộng	1.100.626.211.516	1.100.626.211.516	314.503.032.450	1.334.079.243.966	81.050.000.000	81.050.000.000

	01/01/2022 (VND)		30/06/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	166.075.029.500	166.075.029.500	7.776.000.000	7.776.000.000
NH TMCP Công thương - CN Cẩm Phả	16.240.000.000	16.240.000.000	1.060.000.000	1.060.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Quảng Ninh	15.580.000.000	15.580.000.000	6.716.000.000	6.716.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đông Đô	11.017.791.500	11.017.791.500	-	-
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - CN Quảng Ninh	108.195.238.000	108.195.238.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế VN	11.682.000.000	11.682.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội VN - CN Quảng Ninh	3.360.000.000	3.360.000.000	-	-
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	1.100.626.211.516	1.100.626.211.516	81.050.000.000	81.050.000.000
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	845.064.703.861	845.064.703.861	7.776.000.000	7.776.000.000
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	255.561.507.655	255.561.507.655	73.274.000.000	73.274.000.000

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

(1) Công ty có 2 khoản vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cẩm Phả bao gồm các hợp đồng sau: Hợp đồng tín dụng số 800003507331/2019-HĐCVĐA/TN/HCT302-TNEM ngày 09/05/2019; Hợp đồng tín dụng số 801004572971/2021-HĐCVHM/NHCT302-CAOSONTKV ngày 16/06/2021. Các khoản vay có thời hạn lần lượt là 84 tháng, không quá 12 tháng. Mục đích của khoản vay lần lượt là: Dự án đầu tư; Phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay lần lượt là: Bằng tài sản hình thành từ vốn vay; Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Lãi suất thả nổi có điều chỉnh theo từng thời điểm của Ngân hàng. Số dư gốc tại thời điểm 30/06/2022 là: 7.420.000.000 VND, nợ dài hạn đến hạn trả tại thời điểm 30/06/2022 là: 1.060.000.000 VND.

(2) Hợp đồng tín dụng theo hợp đồng số 266/11.21/HDTDHM-PN/PGBQN-TCS ngày 30/12/2021 với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Quảng Ninh, khoản vay có thời hạn tối đa không quá 12 tháng. Mục đích của khoản vay để Nộp thuế tài nguyên tháng 4/2022. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Lãi suất thả nổi. Số dư gốc tại thời điểm 30/06/2022 là: 0 VND.

(3) Công ty có 4 khoản vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh bao gồm các hợp đồng sau: Hợp đồng tín dụng số 01/2022/TDHN/TQN-CAOSON ngày 29/06/2022; Hợp đồng tín dụng số 04/2021/TDHN/TQN-CAOSON ngày 03/12/2021; Hợp đồng tín dụng số 03/2021/TDHN/TQN-CAOSON ngày 01/12/2021; Hợp đồng tín dụng số 02/2021/TDHN/TQN-CAOSON ngày 12/11/2021. Các khoản vay có thời hạn là 84 tháng. Mục đích của khoản vay lần lượt là: Đầu tư hệ thống phun sương dập bụi khu vực Bãi Thái – Công ty CP Cao Sơn – TKV; Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2021 – Công ty CP than Cao Sơn – TKV; Đầu tư di chuyển hệ thống sàng 3 – Công ty CP than Cao Sơn – TKV; Đầu tư hệ thống phun sương dập bụi khu vực bãi thải Bàng Nâu và khu vực sàng tuyển than – Công ty than Cao Sơn - TKV. Hình thức đảm bảo tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất thả nổi có điều chỉnh theo từng thời điểm của Ngân hàng. Số dư gốc tại thời điểm 30/06/2022 là: 73.630.000.000 VND, nợ dài hạn đến hạn trả tại thời điểm 30/06/2022 là: 6.716.000.000 VND.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.10. Phải trả người bán

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	829.444.523.151	829.444.523.151	864.486.294.526	864.486.294.526
Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả	206.418.931.045	206.418.931.045	159.150.406.429	159.150.406.429
Công ty Cổ phần Hàng Hải Quảng Hưng	20.436.339.130	20.436.339.130	53.564.652.601	53.564.652.601
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	34.794.150.910	34.794.150.910	71.883.694.310	71.883.694.310
Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái	24.359.638.243	24.359.638.243	26.292.297.580	26.292.297.580
Công ty Cổ phần Tân Phú Xuân	-	-	84.813.552.633	84.813.552.633
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin	20.963.145.766	20.963.145.766	27.300.909.726	27.300.909.726
Công ty Cổ phần Hoa Sơn	12.993.869.076	12.993.869.076	31.062.994.319	31.062.994.319
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Tiến	11.919.215.528	11.919.215.528	24.122.358.503	24.122.358.503
Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	30.369.219.069	30.369.219.069	14.760.828.098	14.760.828.098
Công ty Cổ phần Kim khí Thành Đô	189.767.958.143	189.767.958.143	-	-
Các khách hàng khác	277.422.056.241	277.422.056.241	371.534.600.327	371.534.600.327
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	829.444.523.151	829.444.523.151	864.486.294.526	864.486.294.526
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 04				

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2022 (VND)
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	48.865.203.260	230.921.525.782	267.872.977.285	11.913.751.757
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	122.947.161.408	734.514.767.078	739.567.080.751	117.894.847.735
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.379.017.548	2.379.017.548	-
Phí bảo vệ môi trường	5.979.027.120	50.637.822.180	54.605.183.600	2.011.665.700
Tiền cấp quyền khai thác	-	52.560.000	52.560.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	10.805.869.237	10.805.869.237	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	177.791.391.788	1.029.311.561.825	1.075.282.688.421	131.820.265.192
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.788.436.931	23.849.410.062	-	44.939.026.869
Thuế thu nhập cá nhân	6.814.436.749	3.592.435.601	-	3.222.001.148
Tiền nhà đất và tiền thuế đất	12.248.685.235	12.248.685.235	-	-
Cộng	87.851.558.915	39.690.530.898	-	48.161.028.017

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.12. Chi phí phải trả

	<u>30/06/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
a. Ngắn hạn	330.395.215.131	23.583.425
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát	268.560.000	-
Phí sử dụng thương hiệu	12.945.558.109	-
Chi phí thuê bốc xúc	17.285.669.484	-
Chi phí thuê vận chuyển	187.491.954.945	-
Chi phí thuê vận chuyển đất đá bằng băng tải	98.566.982.580	-
Chi phí thuê sàng	13.019.019.739	-
Chi phí thuê khoan	817.470.274	-
Chi phí lãi vay	-	23.583.425
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>330.395.215.131</u>	<u>23.583.425</u>

5.13. Phải trả khác

	<u>30/06/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
a. Ngắn hạn	7.929.885.684	6.524.897.964
Kinh phí Đảng	-	478.177.000
Kinh phí công đoàn	40.481.464	8.343.628
Cổ tức phải trả	5.805.928.969	3.517.147.719
Quý khám chữa bệnh	23.366.813	26.669.317
Quý người lao động đóng góp	2.017.392.034	1.629.509.034
Bảo lãnh dự thầu	15.000.000	313.909.000
Chi ốm đau thai sản	-	333.183.200
Các khoản phải trả phải nộp khác	27.716.404	217.959.066
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>7.929.885.684</u>	<u>6.524.897.964</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	428.467.730.000				45.131.130.958		261.350.561.479		734.949.422.437
Vốn nhận bàn giao	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	107.131.659.618	-	107.131.659.618
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	78.405.168.444	-	(175.982.561.479)	-	(97.577.393.035)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	428.467.730.000				123.536.299.402		192.499.659.618		744.503.689.020
Tặng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	94.900.058.498	-	94.900.058.498
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận ⁽¹⁾	-	-	-	-	32.139.497.885	-	(162.567.714.885)	-	(130.428.217.000)
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	428.467.730.000				155.675.797.287		124.832.003.231		708.975.530.518

⁽¹⁾ Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-TCS-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2022 của Công ty CP Than Cao Sơn - TKV, trong đó: Chi trả cổ tức bằng tiền 64.270.159.500 đồng; Trích Quỹ đầu tư phát triển 32.139.497.885 đồng; Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 65.756.500.000 đồng; Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành 401.557.500 đồng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30/06/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	279.098.070.000	279.098.070.000
Vốn góp của đối tượng khác	149.369.660.000	149.369.660.000
Cộng	<u>428.467.730.000</u>	<u>428.467.730.000</u>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2022</u> <u>đến 30/06/2022</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2021</u> <u>đến 30/06/2021</u> (VND)
Vốn góp của chủ sở hữu	428.467.730.000	428.467.730.000
Vốn góp đầu kỳ	428.467.730.000	428.467.730.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	428.467.730.000	428.467.730.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	64.270.159.500	51.416.127.600

Cổ phiếu

	<u>30/06/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.846.773	42.846.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	42.846.773	42.846.773
Cổ phiếu phổ thông	42.846.773	42.846.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.846.773	42.846.773
Cổ phiếu phổ thông	42.846.773	42.846.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/Cổ phiếu	

Các quỹ của Công ty

	<u>30/06/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	155.675.797.287	123.536.299.402

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ là để tái đầu tư sản xuất.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Doanh thu bán hàng	5.903.244.437.431	3.462.967.333.132
Doanh thu cung cấp dịch vụ	165.648.832.664	146.981.961.345
Cộng	6.068.893.270.095	3.609.949.294.477

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Giá vốn hàng bán	5.755.222.238.445	3.292.608.412.894
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	99.956.423.651	99.135.893.418
Cộng	5.855.178.662.096	3.391.744.306.312

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	63.092.818	29.083.247
Tiền lãi ký quỹ môi trường	2.197.614.243	2.022.064.975
Cộng	2.260.707.061	2.051.148.222

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Lãi tiền vay	16.748.620.676	43.791.261.857
Các khoản khác	-	3.727.123.288
Cộng	16.748.620.676	47.518.385.145

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	8.278.719.076	887.521.200
Thu từ bồi thường vật chất	30.519.000	-
Tiền bán hồ sơ thầu	22.020.204	-
Thu nhập từ nhượng bán công cụ, dụng cụ	-	539.309.517
Các khoản khác	770.730.621	1.468.007.293
Cộng	9.101.988.901	2.894.838.010

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Chi phí bán phế liệu	78.400.000	-
Chi phí làng công nhân Cao Sơn	-	6.223.084.681
Các khoản khác	14.171.751	552.453.941
Cộng	92.571.751	6.775.538.622

6.7 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	85.589.976.130	88.169.372.010
Chi phí nhân viên	20.996.458.467	24.642.491.687
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	5.247.799.141	3.861.613.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.607.221.835	5.271.043.009
Thuế phí và lệ phí	23.054.554.472	20.835.080.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.140.632.709	3.340.843.289
Chi phí khác bằng tiền	27.543.309.506	30.218.300.042
b. Chi phí bán hàng	3.896.666.844	2.832.377.027
Chi phí vật liệu	448.556.488	148.352.800
Các khoản khác	3.448.110.356	2.684.024.227
c. Các khoản ghi tăng Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	89.486.642.974	91.001.749.037

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.458.806.494.980	1.150.615.062.083
Chi phí nhân công	270.596.872.037	282.878.010.253
Chi phí khấu hao TSCĐ	153.098.611.464	160.481.321.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.789.629.462.256	2.155.009.990.671
Chi phí khác bằng tiền	2.008.253.969.107	616.488.221.185
Cộng	5.680.385.409.844	4.365.472.605.483

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	23.849.410.062	16.856.716.160
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	118.749.468.560	77.855.301.593
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	497.581.751	6.428.279.207
<i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>497.581.751</i>	<i>6.428.279.207</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	119.247.050.311	84.283.580.801
- Thu nhập được miễn thuế	-	-
- Các khoản lỗ được kết chuyển	-	-
- Thu nhập tính thuế	119.247.050.311	84.283.580.801
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.849.410.062	16.856.716.160
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.849.410.062	16.856.716.160

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	94.900.058.498	60.998.585.433
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	42.846.773	42.846.773
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.215	1.424

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền thực thu, thực trả gốc vay trong kỳ

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	314.503.032.450 đồng
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	1.334.079.243.966 đồng

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 30/06/2022			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	886.832.655	-	886.832.655
Phải thu khách hàng	1.523.477.269.101	-	1.523.477.269.101
Phải thu khác	2.001.351.825	151.259.799.677	153.261.151.502
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	1.526.365.453.581	151.259.799.677	1.677.625.253.258
Ngày 30/06/2022			
Các khoản vay và nợ	7.776.000.000	73.274.000.000	81.050.000.000
Phải trả người bán	829.444.523.151	-	829.444.523.151
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	338.325.100.815	-	338.325.100.815
Tổng cộng	1.175.545.623.966	73.274.000.000	1.248.819.623.966
Chênh lệch thanh khoản thuần	350.819.829.615	77.985.799.677	428.805.629.292
Ngày 01/01/2022			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	826.166.496	-	826.166.496
Phải thu khách hàng	880.058.569.266	-	880.058.569.266
Phải thu khác	1.262.794.797	140.993.630.000	142.256.424.797
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	882.147.530.559	140.993.630.000	1.023.141.160.559
Ngày 01/01/2022			
Các khoản vay và nợ	845.064.703.861	255.561.507.655	1.100.626.211.516
Phải trả người bán	864.486.294.526	-	864.486.294.526
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	6.548.481.389	-	6.548.481.389
Tổng cộng	1.716.099.479.776	255.561.507.655	1.971.660.987.431
Chênh lệch thanh khoản thuần	(833.951.949.217)	(114.567.877.655)	(948.519.826.872)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	1.676.738.420.603	1.022.314.994.063	1.676.738.420.603	1.022.314.994.063
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.523.477.269.101	880.058.569.266	1.523.477.269.101	880.058.569.266
<i>Các khoản phải thu khác</i>	153.261.151.502	142.256.424.797	153.261.151.502	142.256.424.797
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	886.832.655	826.166.496	886.832.655	826.166.496
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	-	-	-	-
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	886.832.655	826.166.496	886.832.655	826.166.496
Tổng cộng	1.677.625.253.258	1.023.141.160.559	1.677.625.253.258	1.023.141.160.559
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính	1.248.819.623.966	1.971.660.987.431	1.248.819.623.966	1.971.660.987.431
<i>Vay và nợ</i>	81.050.000.000	1.100.626.211.516	81.050.000.000	1.100.626.211.516
<i>Phải trả người bán</i>	829.444.523.151	864.486.294.526	829.444.523.151	864.486.294.526
<i>Phải trả, PN khác và chi phí phải trả</i>	338.325.100.815	6.548.481.389	338.325.100.815	6.548.481.389
Tổng cộng	1.248.819.623.966	1.971.660.987.431	1.248.819.623.966	1.971.660.987.431

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh than (chiếm 97,27% doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ tài chính), do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% Sở hữu
Ông Vũ Văn Khấn	Quảng Ninh	CTHĐQT	-
Ông Phạm Quốc Việt	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT, Giám đốc	0,0027%
Ông Vũ Trọng Tuấn	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT	0,0286%
Ông Trần Tuấn Anh	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT (Đến ngày 27/04/2022)	-
Ông Trần Phương Nam	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT	-
Ông Mai Huy Giáp	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc (Từ ngày 27/04/2022)	0,0057%
Ông Nguyễn Văn Sinh	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	0,0052%
Ông Vũ Văn Huy	Quảng Ninh	Phó Giám đốc (Đến ngày 10/05/2022)	-
Ông Đỗ Văn Kiên	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	-
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Quảng Ninh	Phó Giám đốc (Từ ngày 06/04/2022)	0,0079%
Ông Đinh Văn Chiến	Quảng Ninh	Kế toán trưởng	0,1207%
Bà Nguyễn Thị Lịch	Quảng Ninh	Trưởng Ban kiểm	-
Bà Lê Thị Kim Dung	Quảng Ninh	TV Ban kiểm soát	-
Bà Dương Thị Thu Phong	Quảng Ninh	TV Ban kiểm soát	-
Bà Nguyễn Thị Bích Hải	Quảng Ninh	TV Ban kiểm soát	0,0057%
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Quảng Ninh	TV Ban kiểm soát	-
Bà Đào Thị My	Quảng Ninh	TV Ban kiểm soát	0,0117%
Tổng công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP vật tư - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần Giám định - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% Sở hữu
Công ty CP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Cty CP vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Cty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Cty CP Tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP chế tạo máy - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Trường cao đẳng nghề Than - Khoáng sản Việt Nam	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Trung tâm cấp cứu mỏ - Vinacomin	Nghệ An	Cùng tập đoàn	-
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Than Hạ Long - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Bệnh viện than khoáng sản	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Chế biến Than Quảng Ninh - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP Kinh doanh Than Cẩm Phả - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP Địa chất và khoáng sản - Vinacomin	TP.Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn	-
CN Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Châm - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Tổng công ty khoáng sản – TKV - CTCP	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Mỏ Việt Bắc - VVMI	Thái Nguyên	Cùng tập đoàn	-
Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	Hà Nội	Công ty mẹ	65,14%

Số dư tại ngày 30/06/2022 và các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2022 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Tổng hợp vật tư, hàng hóa và dịch vụ mua của các bên liên quan;
- Phụ biểu 02: Tổng hợp doanh thu bán vật tư, hàng hóa và dịch vụ với các bên liên quan;
- Phụ biểu 03: Bảng kê than bán nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 04: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả, đầu tư với các bên liên quan;

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

- Phụ biểu 05: Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp từ các bên liên quan để hình thành TSCĐ tại đơn vị.
- Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022:

		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
Thu nhập của Ban Giám đốc		1.141.129.082	1.398.958.446
Ông Phạm Thành Đông (đến ngày 01/10/2021)	Giám đốc	-	240.556.800
Ông Phạm Quốc Việt (Giám đốc từ ngày 01/10/2021)	Giám đốc	239.387.846	-
	Phó Giám đốc	-	222.356.800
Ông Nguyễn Văn Sinh	Phó Giám đốc	218.447.232	221.411.800
Ông Mai Huy Giáp	Phó Giám đốc	215.947.232	220.911.800
Ông Vũ Văn Huy	Phó Giám đốc	178.636.578	250.640.661
Ông Đỗ Văn Kiên	Phó Giám đốc	217.727.232	243.080.585
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Giám đốc	70.982.962	-
Thù lao của Ban kiểm soát		132.600.000	132.600.000
Bà Nguyễn Thị Lịch	Trưởng BKS	27.480.000	27.480.000
Bà Lê Thị Kim Dung	Thành viên	26.280.000	26.280.000
Bà Dương Thị Thu Phong	Thành viên	26.280.000	26.280.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hải	Thành viên	26.280.000	26.280.000
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên	8.760.000	26.280.000
Bà Đào Thị My	Thành viên	17.520.000	-
Thù lao của HĐQT		135.960.000	135.960.000
Ông Vũ Văn Khấn	Chủ tịch HĐQT	30.840.000	30.840.000
Ông Phạm Quốc Việt	Ủy viên	26.280.000	-
Ông Vũ Trọng Tuấn	Ủy viên	26.280.000	26.280.000
Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên	17.520.000	26.280.000
Ông Trần Phương Nam	Ủy viên	26.280.000	26.280.000
Ông Mai Huy Giáp	Ủy viên	8.760.000	-
Phạm Thành Đông	Ủy viên	-	26.280.000
Tổng		1.409.689.082	1.667.518.446

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

8.4 Những sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán và sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



VŨ THỊ THANH

ĐINH VĂN CHIẾN

PHẠM QUỐC VIỆT

TỔNG HỢP VẬT TƯ, HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ MUA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
1	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả	883.943.674.718
	Vật tư	883.943.674.718
2	Chi nhánh HN - Công ty cổ phần vật tư TKV	850.390.000
	Vật tư	850.390.000
3	Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	19.452.565.417
	Dịch vụ vận chuyển công nhân	15.959.623.108
	Dịch vụ sửa chữa	3.492.942.309
4	Công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ Cẩm Phả	313.031.794.545
	Dịch vụ nổ mìn	313.031.794.545
5	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	19.173.566.659
	Vật tư	1.821.915.330
	Dịch vụ sửa chữa	17.351.651.329
6	Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin	34.738.793.602
	Vật tư	5.590.509.860
	Dịch vụ	29.148.283.742
7	Công ty Cổ phần Cơ khí Mỏ Việt Bắc - VVMI	9.261.433.607
	Vật tư	1.845.030.000
	Dịch vụ	7.416.403.607
8	Công ty Cổ Phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI	129.280.000
	Vật tư	129.280.000
9	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	76.239.106.000
	Vật tư	76.239.106.000
10	Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	1.236.260.909
	Vật tư	1.187.170.000
	Dịch vụ	49.090.909
11	Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin	3.422.010.356
	Dịch vụ	3.422.010.356
12	Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	17.952.000
	Dịch vụ	17.952.000
13	Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin	253.636.364
	Dịch vụ	253.636.364
14	Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ và thiết bị mỏ	418.669.252
	Dịch vụ	418.669.252
15	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	11.377.270.025
	Dịch vụ	11.377.270.025
16	CN công ty cổ phần vật tư - TKV - Xí nghiệp vận tải, xếp dỡ	171.850.000
	Vật tư	171.850.000
17	Chi nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam - Công ty Than Hạ Long - TKV	294.025.413
	Dịch vụ	294.025.413

TỔNG HỢP VẬT TƯ, HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ MUA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN*Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022*

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
18	Công ty CP tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	177.706.935
	Dịch vụ	177.706.935
19	Công ty cổ phần địa chất và khoáng sản - vinacomin	75.158.596
	Dịch vụ	75.158.596
20	Bệnh viện Than - khoáng sản	1.118.323.210
	Dịch vụ	1.118.323.210
21	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam - Trung tâm cấp cứu mỏ vinacomin	2.439.615.000
	Dịch vụ	2.439.615.000
22	CN Công ty CP Tư vấn Đầu tư Mỏ và công nghiệp-Vinacomin - XN Thương mại và dịch vụ tổng hợp	170.000.000
	Vật tư	170.000.000
23	CN Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam - Trường quản trị	66.451.000
	Dịch vụ	66.451.000
24	Trường cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	180.800.000
	Dịch vụ	180.800.000
	Tổng cộng	1.378.240.333.608

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Vũ Thị Thanh

Đinh Văn Chiến

Phạm Quốc Việt

TỔNG HỢP DOANH THU BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
1	CN Công ty cổ phần vật tư - TKV - Xi nghiệp vật tư Cẩm Phả	36.503.672
	Điện	36.503.672
2	Công ty cổ phần Vận tải & Đưa đón thợ Mỏ - Vinacomin	1.315.730.000
	Dịch vụ	1.315.730.000
3	Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phả	1.834.650
	Dịch vụ	1.834.650
4	Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	120.590.000
	Nhượng bán	120.590.000
5	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	1.911.894.265.623
	Đồ kho	1.911.894.265.623
6	Công ty cổ phần giám định - Vinacomin	6.859.521
	Điện	6.859.521
7	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	3.479.491.983
	Phế liệu	3.098.206.383
	Điện	381.285.600
8	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	3.991.427.383.041
	Than	3.991.427.383.041
9	Chi nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam - Công ty Than Hạ Long - TKV	217.925.548
	Dịch vụ	217.925.548
10	Công ty Cổ phần địa chất mỏ - TKV	1.897.260
	Dịch vụ	1.897.260
11	Tổng công ty khoáng sản-TKV	636.734.850
	Phế liệu	636.734.850
12	Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh	248.363.020
	Điện	248.363.020
13	Công ty cổ phần kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	56.985.649.258
	Đất đá lẫn than	56.985.649.258
14	CN Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	165.140.500
	Dịch vụ	165.140.500
15	Công ty chế biến Than Quảng Ninh - TKV	16.228.759.257
	Đất đá lẫn than	16.228.759.257
	Tổng cộng	5.982.767.128.183

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Vũ Thị Thanh

Đinh Văn Chiên

Phạm Quốc Việt

BẢNG KÊ THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

TT	Tên đơn vị mua	Doanh thu	
		Số lượng	Giá trị
A	B	(tấn)	VND
1	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	2.505.114,08	3.991.350.171.808
2	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	1.280.962,75	1.911.894.265.623
	Tổng cộng	3.786.077	5.903.244.437.431

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đinh Văn Chiển



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Phụ biểu 04

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ, ĐẦU TƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Đơn vị: VND			
		131	131C	331N	331
A	CÁC KHOẢN PHẢI THU	1.505.988.410.097	723.495.625	-	-
I	NGẮN HẠN	1.505.988.410.097	723.495.625	-	-
1	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	438.242.586.030	-	-	-
2	Công ty Tuyên than Cửa Ông - TKV	999.586.269.131	-	-	-
3	Công ty Cổ phần địa chất mỏ - TKV	1.054.361	-	-	-
4	Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh	160.854.314	-	-	-
5	Công ty cổ phần kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	50.429.468.811	-	-	-
6	Công ty chế biến Than Quảng Ninh - TKV	17.527.059.998	-	-	-
7	CN Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	41.117.452	-	-	-
8	Tổng công ty khoáng sản-TKV	723.495.625	-	-	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-
B	CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ	-	-	107.472.727	335.439.262.464
I	NGẮN HẠN	-	-	107.472.727	335.439.262.464
1	CN Công ty cổ phần vật tư - TKV - Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả	-	-	-	206.418.931.045
2	Chi nhánh HN - Công ty cổ phần vật tư TKV	-	-	-	730.281.710
3	Công ty cổ phần Vận tải & Đưa đón thợ Mỏ - Vinacomin	-	-	-	4.524.008.722
4	Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phả	-	-	-	34.854.922.949
5	Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	-	-	-	30.369.219.069
6	Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	-	-	9.356.160.718
7	Công ty Cổ phần cơ khí Mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	-	6.168.335.516
8	Công ty Cổ Phần SX và KD Vật tư thiết bị - VVMI	-	-	-	26.100.310
9	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	-	-	-	34.794.150.910

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Phụ biểu 04

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ, ĐẦU TƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Đơn vị: VND			
		131	131C	331N	331
10	Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	-	-	-	1.502.450.643
11	Công ty cổ phần giám định - Vinacomin	-	-	-	700.050.743
12	Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin	-	-	-	11.170.440
13	Viện khoa học công nghệ mỏ - vinacomin	-	-	-	8.061.200
14	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	-	-	-	3.848.752.221
15	CN công ty cổ phần vật tư - TKV - Xí nghiệp vận tải, xếp dỡ	-	-	-	185.598.000
16	Chi nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam - Công ty Than Hạ Long - TKV	-	-	-	197.083.490
17	Công ty CP tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	-	-	-	81.787.112
18	Bệnh viện than - khoáng sản	-	-	-	83.723.210
19	Công ty cổ phần địa chất và khoáng sản - vinacomin	-	-	-	82.674.456
20	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam - Trung tâm cấp cứu mỏ vinacomin	-	-	-	1.312.200.000
21	CN Công ty CP Tư vấn Đầu tư Mỏ và công nghiệp- Vinacomin - XN Thương mại và dịch vụ tổng hợp	-	-	-	183.600.000
22	Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp - Vinacomin	-	-	107.472.727	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-
C	CHI PHÍ PHẢI TRẢ	-	-	-	-
I	NGẮN HẠN	-	-	-	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Handwritten signature

Vũ Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Handwritten signature

Đình Văn Chiến

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Việt

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Phụ biểu 05

BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN MUA TRỰC TIẾP TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỀ HÌNH THÀNH TSCĐ TẠI ĐƠN VỊ
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

STT	Nội dung	Số lượng	Giá mua theo hoá đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao	Thời gian trích khấu hao tài sản (Đơn vị: Năm)	Thời gian KH còn lại tính đến cuối kỳ báo cáo (Đơn vị: Năm)	Sử dụng tài sản cho mục đích (SXKD, quản lý, bán hàng)	Số hiệu	Ngày tháng	Đơn vị: VND
													Hoá đơn
A	B	1	2	3	4	5=3-4	6	7	8	9	10	11	
A	TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XD CB mua của đơn vị trong nội bộ tập đoàn đã tăng TS để trích khấu hao tính đến cuối kỳ báo cáo		-	-	-	-							
B	TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XD CB mua của đơn vị trong nội bộ tập đoàn nhưng chưa tăng TS để trích khấu hao (do trong quá trình đầu tư hoặc nguyên nhân khác) tính đến cuối kỳ báo cáo		302.727.273	-	-	-							
I	Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin		49.090.909	-	-	-							
1	- Thăm tra báo cáo nghiên cứu khả thi DA di chuyển hệ thống sàng 3		49.090.909	-	-	-					00001082	28/04/2022	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Phụ biểu 05

BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN MUA TRỰC TIẾP TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỂ HÌNH THÀNH TSCĐ TẠI ĐƠN VỊ
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

STT	Nội dung	Số lượng	Giá mua theo hoá đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao	Thời gian trích khấu hao tài sản (Đơn vị: Năm)	Thời gian KH còn lại tính đến cuối kỳ báo cáo (Đơn vị: Năm)	Sử dụng tài sản cho mục đích (SXKD, quản lý, bán hàng)	Số hiệu	Ngày tháng	Đơn vị: VND
													Đơn vị: VND
A	B	1	2	3	4	5=3-4	6	7	8	9	10	11	
II	Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp - Vinacommin		253.636.364	-	-	-							
1	- Lập báo cáo nghiên cứu khả thi DA di chuyển hệ thống sàng 3		253.636.364	-	-	-					00000029	28/04/2022	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Mười

Vũ Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đinh Văn Chiên

Đinh Văn Chiên

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Việt